
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU
CÔNG NGHIỆP HẢI YÊN**

1. Thông tin về dự án

1.1 Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hải Yên.

- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh.

- Chủ dự án:

+ Tên Chủ dự án: Tổng công ty Viglacera - CTCP

+ Địa chỉ: Tầng 16, 17, Toà nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100108173 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010. Đăng ký thay đổi lần thứ 10: ngày 28 tháng 02 năm 2025.

+ **Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Tuấn** **Chức danh: Tổng Giám Đốc**

+ Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 03/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư “Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Hải Yên tại thị xã Móng Cái tỉnh Quảng Ninh”.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án

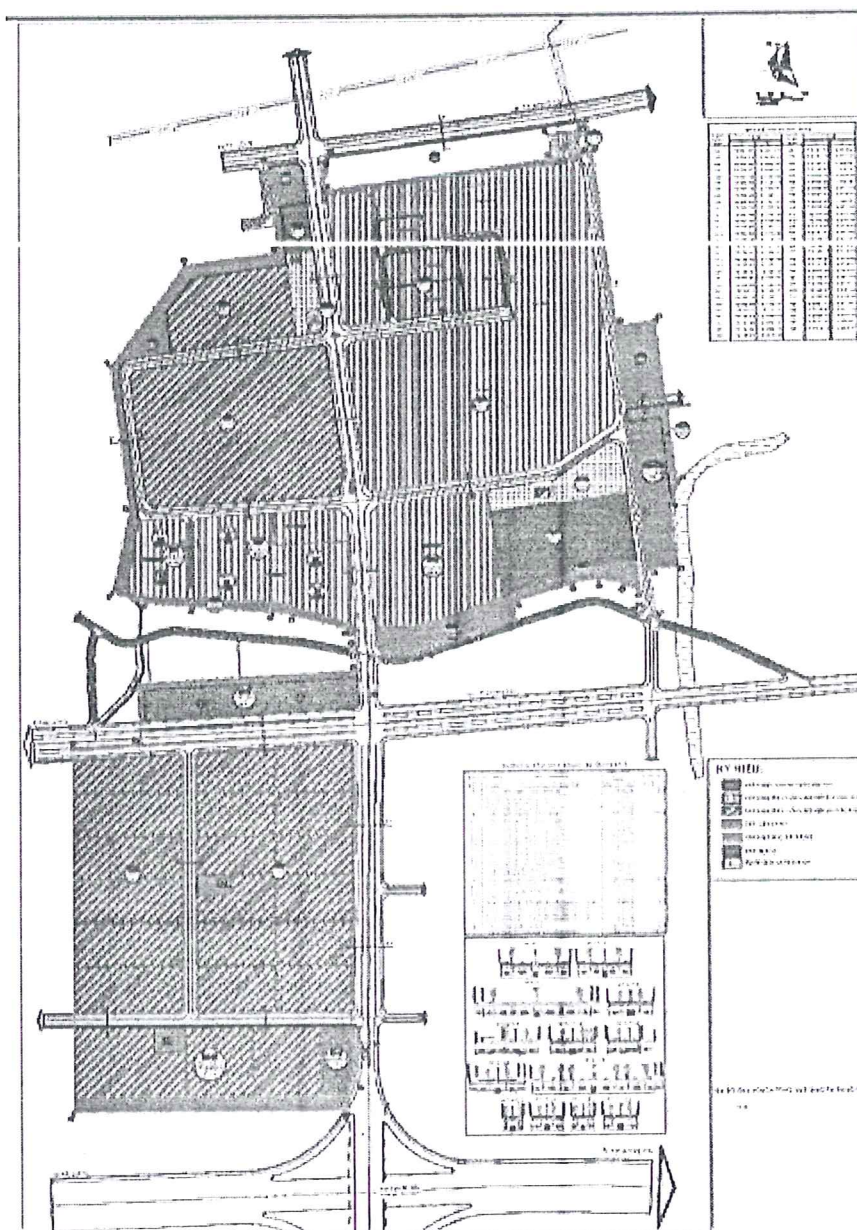
Theo Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu C1.1 - Khu đô thị tích hợp và KCN công nghệ cao tại phường Hải Yên thuộc KKT cửa khẩu Móng Cái, phạm vi ranh giới dự án sau điều chỉnh được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp đường quốc lộ 18;

- Phía Đông giáp Khe Rè, khu dân cư đô thị mới và cụm công nghiệp Hải Yên;

- Phía Tây giáp khu 1 phường Móng Cái 3 và Khu công nghiệp Hải Yên mở rộng;

- Phía Nam giáp đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái;



Hình 1. Vị trí ranh giới của Dự án Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hải Yên

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất

Vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư dự án do Nhà đầu tư xác định và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; phải đảm bảo vốn góp chủ sở hữu không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư dự án (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản)..

Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm

Quy mô diện tích tổng dự án: 182,42ha trong đó đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng với diện tích 86,6ha

1.4. Công nghệ sản xuất

Do đặc thù của Dự án chỉ là đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật cho Khu công nghiệp nên không có công nghệ sản xuất.

- Chủ đầu tư thực hiện đầu tư và quản lý vận hành các hạng mục công trình hành chính, dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bao gồm:

+ Các công trình hành chính dịch vụ gồm toàn bộ các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng và văn phòng.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ của khu vực bao gồm: hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, trạm bơm nước sạch; hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải; hệ thống PCCC; hệ thống cây xanh; hệ thống thông tin liên lạc...

- Quy trình quản lý vận hành các hạng mục công trình này tuân thủ theo các quy định của Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 22/5/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT và các quy định liên quan khác.

1.4.1. Công nghệ vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung

Giải pháp công nghệ xử lý nước thải tập trung sử dụng phương pháp hóa lý kết hợp sinh học. Đây là công nghệ đã được kiểm chứng thực tế và cho thấy được hoạt động hiệu quả. Chất lượng nước thải đầu ra đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 03:2020/QN cột B ($K_q=0,9$; $K_f=0,9$; $K_{qn}=0,95$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Chất lượng nước thải đầu ra được giám sát bằng hệ thống quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh.

1.4.2. Công nghệ vận hành hệ thống thu gom chất thải rắn

➤ Quản lý và thu gom chất thải rắn thông thường

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, CTCNTT phát sinh tại khu vực điều hành, dịch vụ và các khu hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của chủ dự án. Các nhà đầu tư thứ cấp chịu trách nhiệm quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, CTCNTT phát sinh từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của công nhân trong phạm vi ranh giới quản lý của mình.

CTR phát sinh được phân loại tại nguồn bằng các thùng chứa riêng biệt, sau đó được Chủ nguồn thải (Chủ dự án và các nhà đầu tư) ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định pháp luật.

➤ **Quản lý và thu gom chất thải nguy hại**

CTNH từ hoạt động dịch vụ và quản lý hạ tầng (do Chủ đầu tư hạ tầng KCN chịu trách nhiệm) và CTNH từ hoạt động các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng trong KCN (do các nhà đầu tư thứ cấp chịu trách nhiệm) sẽ được thu gom, phân loại tại nguồn, chuyển về kho chứa CTNH trước khi chuyển giao hoặc thuê trực tiếp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định pháp luật. Khu vực lưu chứa CTNH của các đơn vị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về kỹ thuật và quy trình quản lý CTNH tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ NNMT) về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.5.1. Các hạng mục công trình:

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Yên được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 182,42 ha. Các hạng mục chính của dự án sẽ được xây dựng bao gồm:

- Giai đoạn thi công:

- + Xây dựng đường giao thông
- + Xây dựng hệ thống cấp nước, trạm PCCC
- + Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải
- + Xây dựng hệ thống cấp điện và trạm điện, chiếu sáng, trồng cây xanh và xây dựng nhà điều hành dịch vụ công cộng, trạm xử lý nước thải tập trung....

- Giai đoạn vận hành:

- + Vận hành hệ thống cấp điện;
- + Vận hành hệ thống cấp nước; vận hành trạm bơm tăng áp cấp nước, trạm PCCC
- + Vận hành hệ thống đường giao thông;
- + Vận hành hệ thống thoát nước mưa;
- + Vận hành hệ thống thoát nước thải;
- + Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung;
- + Vận hành kho chứa chất thải của Dự án.

1.5.2. Các hoạt động của Dự án:

- Giai đoạn thi công:

- + Công tác giải phóng mặt bằng
- + Hoạt động san nền, thi công xây dựng

Giai đoạn vận hành:

- + Vận hành các hệ thống hạ tầng tiện ích: hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước; trạm bơm tăng áp cấp nước, trạm PCCC...
- + Hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu vực dự án
- + Hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN
- + Hoạt động tại khu vực nhà điều hành, quản lý, dịch vụ của KCN...

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

a. Vị trí, ranh giới dự án

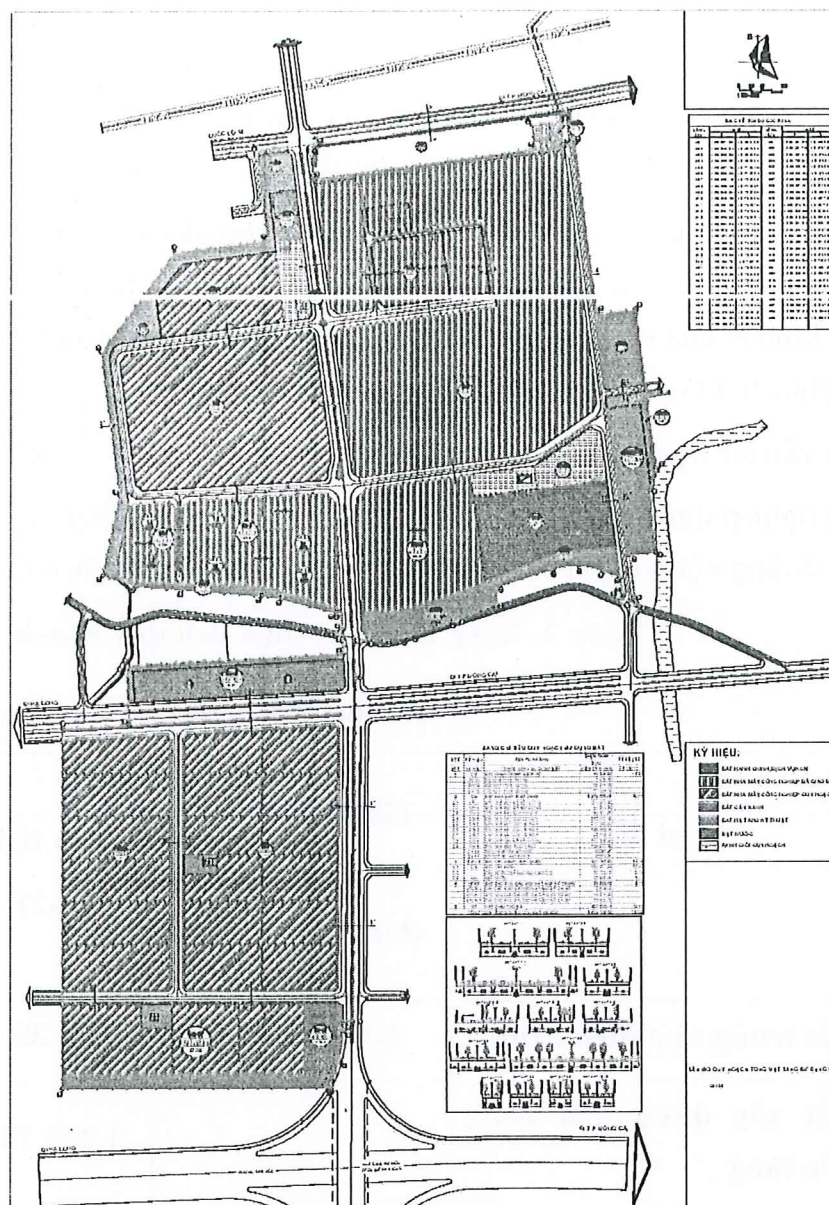
Khu công nghiệp Hải Yên có vị trí tại phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh. Ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp đường quốc lộ 18;
- Phía Đông giáp Khe Rẻ, khu dân cư đô thị mới và cụm công nghiệp Hải Yên;
- Phía Tây giáp khu 1 phường Hải Yên và Khu công nghiệp Hải Yên mở rộng;
- Phía Nam giáp đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái;

Bảng tọa độ ranh giới Khu công nghiệp Hải yên

Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°30' múi chiều 3°							
Stt	Tên Mốc	Trục X	Trục Y	Stt	Tên Mốc	Trục X	Trục Y
1	N01	2383021.882	516531.823	31	N31	2381881.225	516838.594
2	N02	2383040.019	516670.944	32	N32	2381881.785	516797.304
3	N03	2383023.532	516658.264	33	N33	2381887.215	516759.89
4	N04	2382959.057	516666.644	34	N34	2381790.544	516765.16
5	N05	2383027.703	517193.463	35	N35	2380989.492	516759.229
6	N06	2383083.338	517186.215	36	N36	2380989.808	516734.98
7	N07	2383092.129	517253.662	37	N37	2380965.335	516734.799
8	N08	2383036.486	517260.871	38	N38	2380897.231	516725.582
9	N09	2383040.034	517287.894	39	N39	2380833.664	516699.46
10	N10	2382640.295	517339.993	40	N40	2380833.664	516077,805
11	N11	2382651.865	517428.764	41	N41	2381674.453	516077.805

Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°30' múi chiều 3°							
Stt	Tên Mốc	Trục X	Trục Y	Stt	Tên Mốc	Trục X	Trục Y
12	N12	2382281.782	517476.998	42	N42	2381683.066	516234.066
13	N13	2382228.532	517462.214	43	N43	2381813.836	516226.858
14	N14	2382084.048	517474.058	44	N44	2381821.815	516231.053
15	N15	2382076.166	517413.542	45	N45	2381849.739	516737,667
16	N16	2381971.278	517427.151	46	N46	2381890.76	516735.462
17	N17	2381958.481	517435.361	47	N47	2381893,199	516718.655
18	N18	2381969.083	517409.396	48	N48	2381906.661	516732.599
19	N19	2381979.685	517383.431	49	N49	2381941.931	516730.694
20	N20	2381989.761	517397.26	50	N50	2382024.549	517392.787
21	N21	2382024.551	517392.694	51	N51	2381976.824	516591.874
22	N22	2382040.335	517354.082	52	N52	2381983.294	516542.617
23	N23	2382053. 18	517295.207	53	N53	2381998.037	516357.644
24	N24	2382045.126	517235.021	54	N54	2382006.652	516249.553
25	N25	2382003.035	517100.884	55	N55	2382031.717	516171.581
26	N26	2381964.84	517102.33	56	N56	2382220.507	516211.154
27	N27	2381928.315	517009.528	57	N57	2382553.877	516167.473
28	N28	2381922.639	516995.107	58	N58	2382787.676	516340.51
29	N29	2381891.664	516896.426	59	N59	2382816,166	516558.487
30	N30	2381886.373	516879.566				



Hình 1. Vị trí ranh giới của Dự án Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Yên

Về hiện trạng sử dụng đất: Tổng công ty Viglacera - CTCP đã hoàn thành công tác GPMB khu phía Bắc với diện tích 116,66/182,42ha chiếm 63,95% tổng diện tích KCN và đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng thiết yếu. Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê đạt 57,6ha. Trong đó 05 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất thu hút khoảng 4.600 công nhân làm việc, 02 doanh nghiệp đang hoàn thiện thủ tục đầu tư trước khi xây dựng nhà máy.

Khu công nghiệp Hải Yên có quy mô tổng diện tích lập quy hoạch 1.824.200 m².

*** Đánh giá, phân loại:**

- Đất trồng lúa: chiếm phần lớn diện tích đất nghiên cứu.
- Đất công trình thủy lợi: các kênh mương nội đồng nằm xen kẽ trong khu canh tác phục vụ cho tưới tiêu nông nghiệp cũng đóng góp vai trò tưới tiêu cho khu vực.

- Đường hiện trạng: trong phạm vi nghiên cứu có một số đường đất, đường nội đồng phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, phân cách giữa các thửa ruộng.

- Đất trong phạm vi khu vực nghiên cứu chủ yếu là đất ruộng canh tác, rất thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng và chuyển đổi chức năng sử dụng đất.

- Việc chiếm dụng loại đất này sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế hộ dân có đất bị chiếm dụng do mất đất sản xuất. Tuy nhiên, ảnh hưởng do mất đất sản xuất đến đời sống, kinh tế của các hộ bị chiếm dụng đất được đánh giá là không đáng kể và có thể khắc phục tổn thương bằng việc đền bù thỏa đáng.

b. Cơ cấu sử dụng đất

Khu công nghiệp được quy hoạch bố trí các khu chức năng đồng bộ, kết nối thông qua các tuyến đường nội bộ đảm bảo yêu cầu hoạt động và vận hành, cụ thể như sau:

Bảng 2: Bảng thống kê diện tích quy hoạch

T T	Loại đất	Chỉ tiêu KT lô đất		Cơ cấu sử dụng đất	
		Tầng cao (tầng)	Mật độ XD thuần (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
I	Đất trung tâm điều hành	2-9	60	55.204	3,03
II	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng			1.279.707	70,15
1	CN-01	03	60	351.557	
2	CN-02	03	60	41.313	
3	CN-03	05	70	46.082	
4	CN-04	05	70	147.632	
5	CN-05	05	70	212.596	
6	CN-06	05	70	156.085	
7	CN-07	05	70	87.216	
8	CN-08	03	60	102.304	
9	CN-09			134.922	

T T	Loại đất	Chỉ tiêu KT lô đất		Cơ cấu sử dụng đất	
		Tầng cao (tầng)	Mật độ XD thuần (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
	CN-9.1	03	60	80.000	
	CN-9.2	05	70	54.922	
III	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mỗi			39.893	2,19
1	Lô đất HTCN-01	01	40	3.814	
2	Lô đất HTCN-02	03	60	12.474	
3	Lô đất HTCN-03	03	60	23.605	
IV	Đất cây xanh, mương nước			210.156	11,52
V	Đất giao thông			239.188	13,11
Tổng diện tích				1.824.148	100,00

❖ Chức năng sử dụng đất

➤ **Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi** (tương đương với đất công nghiệp theo quy định tại Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế)

- Các lô sản xuất công nghiệp, kho bãi được định hình bởi các trục đường giao thông, việc xác định ranh giới khu đất để thực hiện dự án của nhà đầu tư thứ cấp trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của từng dự án cụ thể đảm bảo hiệu quả sử dụng đất và các quy định của pháp luật có liên quan. Mặt tiền các nhà máy hướng về các trục đường khu vực và nội bộ đảm bảo mỹ quan kiến trúc toàn Khu công nghiệp. Dựa vào tình hình sản xuất và nhu cầu sản xuất của địa phương, đất chia lô công nghiệp (xây dựng nhà xưởng, kho tàng) được định hướng các ngành nghề chủ yếu:

- Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện với môi trường như: công nghiệp điện, điện tử, tin học, phẩm mềm; công nghiệp cơ khí, lắp ráp

chế tạo máy, tự động hóa; các ngành vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến thực phẩm đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, bao bì, đóng gói; công nghiệp hỗ trợ, phụ trợ và các ngành nghề khác theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh.

➤ ***Đất khu dịch vụ (tương đương với đất dịch vụ theo quy định tại Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế)***

Vị trí nằm trên đường trục chính và mặt tiền vào Khu công nghiệp thuận lợi cho việc liên hệ giao dịch. Hình thức tổ chức không gian theo kiến trúc hiện đại kết hợp cây xanh cảnh quan.

Khu dịch vụ bao gồm các công trình như Điều hành, dịch vụ tiện ích, lưu trú, phòng cháy chữa cháy...

- Khu dịch vụ 1 (DV-1) dự kiến bố trí nhà điều hành, quản lý khu công nghiệp của Chủ đầu tư hạ tầng.

- Khu dịch vụ 2 (DV-2) dự kiến xây dựng các tòa nhà thương mại, dịch vụ, lưu trú cho người lao động, thể thao và các công trình kết cấu khác phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

- Các khu dịch vụ còn lại dự kiến bố trí nơi thường trực của đội PCCC, CNCH của KCN và một số công trình khác.

➤ ***Đất hạ tầng kỹ thuật***

Khu Hạ tầng kỹ thuật là nơi bố trí nhà máy XLNT, nhà máy cấp nước, trạm bơm tăng áp, trạm điện, bể chứa nước,...

- Nhà máy xử lý nước thải đảm bảo xử lý tối thiểu 80% công suất nước cấp (trừ nước sử dụng cho tưới cây, rửa đường và PCCC). Chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường.

- Trạm bơm tăng áp là công trình cung cấp nước sạch cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt, PCCC... của Khu công nghiệp trong giai đoạn 1. Nhà máy xử lý nước cấp sẽ được xây dựng trong giai đoạn tiếp theo phục vụ cung cấp nước sạch cho toàn bộ Khu Công nghiệp.

- Bãi xe tập trung của Khu công nghiệp phục vụ nhu cầu dừng đỗ chờ xuất nhập hàng hóa của đơn vị vận chuyển đến Khu công nghiệp.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, bao gồm: hệ thống cống, bể cáp, hố ga, hầm cáp,... theo đúng quy định.

➤ ***Cây xanh***

Hệ thống cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly là lá phổi của dự án Khu công nghiệp. Hệ thống này tạo ra khoảng cách ly an toàn cũng như tạo ra một bộ mặt xanh sạch cho toàn Khu công nghiệp.

Đối với phạm vi cây xanh công cộng, mật độ xây dựng tối đa là 5% (không tính phần cây xanh cách ly). Trong khu vực cây xanh công cộng chỉ được xây dựng các công trình đường giao thông, bãi đỗ xe, công trình cấp điện, hàng rào, cổng, nhà bảo vệ, trạm bơm nước thải, hệ thống viễn thông thụ động, thoát nước mưa, cột BTS... không được phép xây dựng các công trình dân dụng.

Hệ thống cây xanh cảnh quan thiết kế thành khuôn viên đường dạo, tăng tính thẩm mỹ cho không gian Khu công nghiệp, đồng thời phục vụ nhu cầu thư giãn, giải trí ngoài giờ của cán bộ, công nhân viên.

Hệ thống cây xanh cách ly được bố trí trong Khu công nghiệp, với chiều rộng theo quy định, đảm bảo về an toàn môi trường trong và ngoài Khu công nghiệp.

➤ **Mặt nước**

Mặt nước trong Khu công nghiệp đa phần là hệ thống kênh nước được nghiên cứu nhằm đảm bảo tưới tiêu, tạo cảnh quan, đảm bảo các yêu cầu về thủy lợi của khu vực.

➤ **Đất giao thông, bãi đỗ xe**

Toàn bộ Khu công nghiệp có các đường trục dọc và đường trục ngang tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh.

Trong phạm vi các tuyến đường giao thông bố trí đường ống, cống cấp, thoát nước; hệ thống cống, bể cấp, hồ ga, hầm cấp... cho các hệ thống viễn thông thụ động, điện chiếu sáng, cấp thoát nước...

Bãi đỗ xe của Khu công nghiệp phục vụ nhu cầu dừng đỗ chờ xuất nhập hàng hóa của đơn vị vận chuyển đến Khu công nghiệp.

2.2. Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh

➤ **Tác động của dự án đến môi trường cảnh quan khu vực**

- Các công trình mới được xây dựng sẽ góp phần nâng cao mỹ quan, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái khu vực.

- Các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khi đi vào vận hành, nếu được thực hiện theo đúng quy hoạch (các nút giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đường điện ngầm, hệ thống ga thu nước mưa, cống mương thoát nước, hệ thống cấp điện, đường ống cấp nước, cáp thông tin...) sẽ tạo ra mỹ quan cho dự án.

➤ **Tác động đến môi trường sức khỏe cộng đồng**

- Vì trong khu vực xung quanh KCN có tồn tại các khu dân cư hiện trạng, do đó trong quá trình xây dựng dự án sẽ dẫn đến những ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe của cộng đồng dân cư đang sinh sống tại đây. Ngoài ra trong quá trình hoạt động của dự án, nếu các nguồn phát thải không được quản lý tốt sẽ là nguồn gây bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

- Đồng thời, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh góp phần cải thiện môi trường sống của người dân là một yếu tố không thể thiếu trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Các công trình sản xuất, dịch vụ thương mại góp phần tạo ra công ăn việc làm từ đó cải thiện mức sống của người dân, tạo điều kiện đảm bảo tốt hơn sức khỏe người dân.

2.3. Tác động môi trường của dự án đầu tư

TT	Các hoạt động của Dự án	Tác động đến môi trường	Khu vực, đối tượng chịu tác động
I	Hoạt động trong giai đoạn xây dựng		
1	Tác động do hoạt động giải phóng mặt bằng	- Tác động do phát quang mặt bằng: + Tác động do CTR + Tác động đến tài nguyên sinh học + Tác động đến chiếm dụng đất + Tác động đến KT-XH + Ảnh hưởng đến tài nguyên- sinh học - Tác động tới môi trường nước do: + Hoạt động sinh hoạt của công nhân + Nước mưa chảy tràn - Tác động tới không khí: + Do hoạt động máy móc, thiết bị tham gia san ủi + Tác động do vận chuyển nguyên vật liệu san lấp mặt bằng	- Công nhân tham gia dự án - Không khí xung quanh khu vực

TT	Các hoạt động của Dự án	Tác động đến môi trường	Khu vực, đối tượng chịu tác động
2	Tác động do hoạt động thi công xây dựng	- Tác động môi trường nước: + Nước mưa chảy tràn + Nước thải xây dựng + Nước thải sinh hoạt + Nước thải từ quá trình rửa xe + Nước thải từ quá trình rửa máy móc, thiết bị	- Môi trường đất, nước khu vực Dự án
		- Tác động môi trường khí thải: + Tác động do hoạt động máy móc, thiết bị tham gia quá trình thi công + Tác động do hoạt động bốc xúc nguyên vật liệu	Không khí khu vực dự án
		- Tác động môi trường đất do CTR + CTR xây dựng + CTR nguy hại + CTR sinh hoạt công nhân	Môi trường đất, cảnh quan và môi trường nước mặt khu vực dự án
		- Tác động không liên quan đến chất thải: + Tác động ồn, rung, đến hạ tầng kỹ thuật	- Môi trường xung quanh khu vực dự án - Người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án
II	Tác động trong giai đoạn hoạt động của dự án		

TT	Các hoạt động của Dự án	Tác động đến môi trường	Khu vực, đối tượng chịu tác động
1	Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án	Tiếng ồn và khói thải chứa thành phần ô nhiễm như: CO; HC; NO _x ; SO ₂ ; Bụi	- Thời gian chịu tác động: Suốt quá trình hoạt động của dự án. - Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, nước, không khí, con người
2	Hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN	- Tác động bụi, khí thải: + Phát sinh từ các hoạt động sản xuất của các nhà máy + Khí thải từ các khu vực lưu trữ rác + Mùi và sol khí từ trạm XLNT - Tác động do nước thải + NTSH của các nhà máy trong KCN + Nước thải sản xuất từ các nhà máy trong KCN - Tác động do chất thải rắn + Rác thải sinh hoạt + Rác thải công nghiệp thông thường của nhà máy trong KCN - Tác động do CTNH + CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động của các nhà máy trong KCN	- Thời gian chịu tác động: Suốt quá trình hoạt động của dự án - Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, nước, không khí, con người
3	Hoạt động tại khu vực nhà điều hành, quản lý, dịch vụ của KCN	- Tác động do nước thải sinh hoạt - Tác động do CTRSH - Tác động do CTNH	

➤ Tác động của dự án đến môi trường nước

- Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường nước khu vực này chủ yếu là do nước thải từ các khu dân cư hiện trạng, việc sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản...vì vậy sau khi dự án được hoàn thành, với hệ thống thu gom nước thải đồng bộ của toàn khu vực, việc xử lý triệt để từ nguồn trước khi thải ra môi trường xung quanh sẽ hạn chế rất nhiều việc ô nhiễm môi trường nước mặt và nước ngầm.

- Trong giai đoạn xây dựng các công trình sản xuất, xây dựng đường giao thông cũng như các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, nước thải xả tràn trên mặt đất gây ra những ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, đặc biệt là nước mặt. Khi san nền, một số kênh, mương bị san lấp, nắn dòng làm thay đổi chế độ thủy văn và chế độ dòng chảy mặt.

- Sau khi dự án được thực hiện, mặt phủ khu vực sẽ thay đổi tuy nhiên không làm cho khả năng thấm của đất giảm đi, hạn chế tối đa ô nhiễm nước mặt do bụi bẩn và Chất thải rắn cuốn trôi theo dòng nước mưa.

- Hệ thống cung cấp nước sạch khi dự án được thực hiện sẽ đưa nước sạch đến cho toàn bộ công trình trong khu vực. Vì mục tiêu là cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt nên chất lượng nước phải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn theo quy định hiện hành.

- Khi dự án được thực hiện sẽ dẫn đến sự gia tăng mật độ công trình, tăng lượng nước sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tăng số người lao động đến làm việc cho các doanh nghiệp làm cho nguồn thải nước nhiều hơn và nếu không quản lý tốt đây chính là nguồn gây ô nhiễm lớn nhất cho nước mặt cũng như nước ngầm trong khu vực. Tuy nhiên nếu Dự án có hệ thống thu gom và xử lý tốt thì sẽ không còn nguy cơ gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt cũng như nước ngầm. Từ đó góp phần cải tạo chất lượng nước tự nhiên.

- Trong quá trình phát triển thì chất thải rắn là một trong những vấn đề cần quan tâm nhất. Việc thu gom và xử lý chất thải rắn không đúng quy cách sẽ tác động rất lớn đến môi trường nước khu vực. Nếu lượng chất thải rắn được thu gom không hết sẽ tồn tại ở nhiều khu vực khác nhau trong khu vực, nhất là ven các ao, hồ, sông. Việc phân huỷ rác (đặc biệt là chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ) sẽ làm tăng mức độ ô nhiễm BOD trong nguồn nước mặt. Tuy nhiên nếu việc thu gom chất thải rắn được thực hiện tốt theo quy hoạch thì sẽ làm cho khả năng gây ô nhiễm nguồn nước do chất thải rắn gây ra được giảm thiểu tối đa.

➤ Tác động của dự án đến môi trường đất

- Khu vực quy hoạch có cao độ địa hình tự nhiên trung bình, khối lượng đào đắp không quá lớn nên các hoạt động đào đắp không gây ảnh hưởng lớn đến đất đai các khu vực xung quanh và cho chính các khu vực hiện hữu.

- Môi trường đất trong khu vực quy hoạch hiện nay khá sạch, các chỉ tiêu theo kết quả phân tích của đất đều nằm trong ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam. Tuy nhiên sự phát triển mạnh mẽ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các hoạt động kinh tế xã hội theo quy hoạch KCN sẽ làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất và có những ảnh hưởng nhất định đến cấu trúc cũng như chất lượng đất.

- Sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang đất công nghiệp sẽ tạo nên sức ép lớn về đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm. Sự suy giảm diện tích đất nông nghiệp sẽ dẫn đến thâm canh cây trồng mạnh mẽ và dễ xảy ra việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học trên khoảng diện tích canh tác có giới hạn.

- Việc san ủi các khu vực địa hình cao và san lấp các khu vực có địa hình thấp hơn để tạo mặt bằng xây dựng cho Khu công nghiệp, quá trình xây dựng hệ thống xí nghiệp công nghiệp, đường xá, cầu cống... cần hết sức quan tâm đến nguy cơ sụt lún và sụt lún đất. Sự đề phòng các sự cố này đặc biệt cần thiết đối với các khu đất lấp nhân tạo.

- Diện tích đất nông nghiệp hiện tại trong diện chuyển đổi mục đích sử dụng có giá trị kinh tế và môi trường không lớn và các tác động được dự báo đều có thể chủ động khắc phục được bằng các biện pháp thích hợp nên việc thay đổi mục đích sử dụng đất của Dự án là hợp lý.

➤ Tác động của dự án đến môi trường không khí

- Bụi đất, cát và khí thải của các máy móc trong khi tiến hành san nền gây ra ô nhiễm bụi cho môi trường không khí khu vực dự án. Khí bụi sinh ra trong giai đoạn này chủ yếu ảnh hưởng đến các công trình tham gia xây dựng, rất ít có ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Trong giai đoạn xây dựng các công trình, vì đặc điểm các công trình được phân đợt xây dựng và phát sinh thêm một số tác nhân gây ô nhiễm không khí nữa như: quá trình chuyên chở vật liệu, quá trình lắp đặt, chạy thử máy móc...nên mức độ ô nhiễm cục bộ môi trường không khí cao hơn giai đoạn san nền và còn ảnh hưởng cả đến các công nhân và các thiết bị máy móc tham gia sản xuất tại các khu vực đã xây dựng xong.

- Số lao động làm việc trong khu vực tăng lên kéo theo sự gia tăng mạnh về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu (điện, than, xăng, dầu...) làm gia tăng tải lượng phát thải các chất ô nhiễm vào khí quyển và ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

- Hệ thống các khu cây xanh được xây dựng với mật độ cao góp phần làm giảm ô nhiễm không khí, giảm lượng bụi...

➤ Tác động của dự án đến môi trường tiếng ồn và chấn động

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, tiếng ồn và chấn động chủ yếu là do các phương tiện vận chuyển và các máy móc xây dựng, tuy nhiên tiếng ồn cũng chỉ tác động đến các công nhân xây dựng, ít có ảnh hưởng đến dân cư các khu vực lân cận.

- Sự gia tăng dân số làm việc cũng kéo theo sự gia tăng cường độ tiếng ồn sinh hoạt trong khu vực.

- Hệ thống đường giao thông sau khi hình thành cũng là một nguồn gây ô nhiễm về không khí và tiếng ồn khá lớn cho khu vực.

- Tuy nhiên, hệ thống cây xanh công viên, cây xanh sinh thái và những dải cây ven đường được xây dựng sẽ là hệ thống lưới lọc âm thanh và chấn động rất tốt, góp phần làm giảm ô nhiễm tiếng ồn.

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

❖ Bụi và khí thải

➤ Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Bụi từ hoạt động phát quang thảm thực vật;
- Bụi từ hoạt động di dời mộ phần trong khu vực dự án;
- Bụi từ quá trình san nền;
- Bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng;
- Bụi từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ vật liệu xây dựng;
- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công;
- Khí thải từ quá trình hàn;
- Bụi, Khí thải từ công đoạn đổ bê tông, nhựa nóng nền đường;
- Bụi từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công.

➤ Quy mô, tính chất, thông số ô nhiễm chính của bụi, khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển san nền, bóc tách lớp phủ bề mặt: Bụi tổng số (TSP); SO₂; NO₂; CO.

- Bụi và khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công trên công trường: Bụi tổng số (TSP); SO₂; NO₂; CO.

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển VLXD:

+ Đối với hạng mục vận chuyển VLXD hạng mục cấp nước: Bụi tổng số (TSP); SO₂; NO₂; CO.

+ Đối với hạng mục vận chuyển VLXD hạng mục cấp điện và chiếu sáng: Bụi tổng

số (TSP); SO₂; NO₂; CO.

+ Đối với hạng mục vận chuyển VLXD hạng mục thoát nước mưa Bụi tổng số (TSP); SO₂; NO₂; CO.

+ Đối với hạng mục vận chuyển VLXD hạng mục thoát nước thải: Bụi tổng số (TSP); SO₂; NO₂; CO.

+ Đối với hạng mục vận chuyển VLXD hạng mục thoát nước thải: Bụi tổng số (TSP); SO₂; NO₂; CO, hơi VOC.

- Thành phần và tải lượng khí thải phát sinh do quá trình hàn: Khói hàn; NO_x...

- Bụi, khí thải từ công đoạn bê tông nhựa nóng nền đường: Thành phần gây ô nhiễm trong quá trình thảm bê tông nhựa là hơi bốc lên từ hỗn hợp nhựa nóng chính là hơi hữu cơ VOCs.

- Bụi từ quá trình sơn hoàn thiện: Thành phần ô nhiễm trong quá trình là bụi, hơi sơn bám vào công trình.

❖ Nước thải

- Nguồn phát sinh: Nước thải thi công xây dựng, nước thải sinh hoạt;

- Quy mô:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên thi công xây dựng: lượng NTSH phát sinh khoảng 12 m³/ngày đêm.

Nước thải xây dựng: Phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng. Tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 30 m³/ngày đêm.

Như vậy, tổng lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng là: 35 m³/ngày đêm. Thành phần của nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅, COD) và các dưỡng chất (N, P) và các vi sinh vật. Thành phần của nước thải xây dựng chứa hàm lượng chất rắn lơ lửng cao.

- Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công dự án có thể kéo theo các chất bụi, cặn lắng, đất cát xuống nguồn nước mặt khu vực tiếp nhận.

Những tác động nêu trên là rõ rệt nhưng chỉ mang tính tạm thời và cục bộ trong phạm vi công trường.

❖ Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường với quy mô khoảng 100 kg/ngày. Thành phần gồm vỏ hộp, cơm canh thừa, túi ni lon, vỏ chai nước,....

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn từ quá trình GPMB, phát quang thảm thực vật: Thành phần chủ yếu là dạ và các loại cây cỏ bụi tầm thấp khác.

+ Chất thải từ quá trình phá dỡ công mương thủy lợi;

+ Chất thải từ quá trình đào, đắp san nền trong khu vực dự án: Khối lượng đất bóc hữu cơ

+ Phế thải xây dựng phát sinh trong thi công xây dựng gồm các thành phần như bê tông, gạch, đá, gỗ, giấy vụn, vụn sắt thép, xà bần,... Phế thải xây dựng phát sinh trong suốt quá trình thi công được xác định bằng 0,5% khối lượng nguyên, vật liệu sử dụng. Đây là loại chất thải có thành phần là các chất trơ và không độc hại, một số có thể tái chế hoặc tái sử dụng cho mục đích khác. Tuy nhiên, nguồn thải này nếu không có biện pháp quản lý, thu gom và xử lý thì gây hại đến sức khỏe người dân xung quanh và công nhân thi công.

- Chất thải nguy hại:

+ Nguồn phát sinh: Từ quá trình sửa chữa máy móc thiết bị thi công của dự án làm phát sinh dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì cứng bằng nhựa thải, ... Từ quá trình thi công gồm giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhiên liệu diesel thải, bóng đèn huỳnh quang, bao bì cứng thải bằng nhựa. Với tính chất có tính độc hại cao, có tác hại tới sức khỏe của con người và môi trường

❖ Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án từ các nguồn:

+ Phương tiện giao thông vận tải (xe tải, xe máy, ô tô...).

+ Máy móc, thiết bị thi công (máy đầm, máy ủi, máy đào, máy san...).

+ Máy cưa, máy cắt sắt thép, gạch trong quá trình thi công.

+ Hoạt động thi công xây dựng.

- Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ các khu tập trung công nhân xây dựng.

❖ Các tác động khác

+ Tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển.

+ Tác động do tiếng ồn, độ rung.

+ Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

+ Tác động của việc chiếm dụng đất.

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất.

+ Tác động đến hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển.

+ Tác động đến vùng nông nghiệp lân cận dự án.

+ Tác động đến đường dây điện.

2.3.2. Giai đoạn vận hành ổn định

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

❖ Nguồn phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà máy trong KCN,... Loại nước thải này ô nhiễm chủ yếu bởi chất cặn bã, dầu mỡ (nhà bếp), các chất hữu cơ (nhà vệ sinh), các chất dinh dưỡng và vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án;

- Nước thải sản xuất từ các nhà máy trong KCN.

❖ Quy mô, tính chất của nước thải

(+) Nước thải sản xuất và sinh hoạt

- Nước thải sản xuất của dự án trong giai đoạn vận hành sẽ tùy thuộc vào các đặc trưng công nghệ và nhu cầu sử dụng nước của các nhóm ngành nghề khác nhau thì lượng nước thải cũng khác nhau. Cụ thể chi tiết quy mô tính chất nước thải của mỗi nhóm ngành nghề sẽ được thể hiện trong ĐTM hoặc Báo cáo đề xuất cấp GPMT/ĐKMT riêng của mỗi doanh nghiệp, nhà máy.

- Lượng nước thải của KCN Hải Yên trong quá trình vận hành khoảng 5.500 m³/ngày đêm.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các quá trình sản xuất khác nhau của các nhà máy, xí nghiệp có tính chất đa dạng, phụ thuộc vào đặc điểm và tính chất của từng loại hình sản xuất cụ thể. Tùy theo từng loại hình công nghệ sản xuất mà nước thải có tải lượng, thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm khác nhau.

- Thành phần ô nhiễm của nước thải sinh hoạt: cặn lơ lửng (SS), chất dinh dưỡng (N, P), các chất hữu cơ (BOD, COD), vi sinh,...

+ Ngành sản xuất giấy, bao bì từ giấy và bìa, Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất sản phẩm từ bột giấy): pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng,...

+ Ngành công nghiệp sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử, sản xuất kim loại,...: pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₂⁻, NO₃⁻, PO₄³⁻, kim loại nặng, Tổng N, tổng P, Coliform, dầu mỡ, ...

+ Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: pH, TSS, màu, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng,...

+ Nhóm ngành khác: pH, TSS, màu, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng,...

(+) Nước mưa chảy tràn

Thành phần bao gồm: chất thải rắn, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ máy...

Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải của KCN Hải Yên được thiết kế tách riêng nên nước mưa chảy tràn của dự án theo hệ thống cống thoát nước sau đó chảy thẳng ra nguồn tiếp nhận là kênh của khu vực.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

❖ Nguồn phát sinh

- Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông ra vào dự án;
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các nhà máy trong KCN;
- Mùi từ hệ thống thu gom nước thải, khu vực lưu trữ rác, khu trạm XLNT tập trung;
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

❖ Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

+) Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải của KCN: Bụi 0,01– 0,2 mg/m³; SO₂: 3.10⁻⁴ - 5,6.10⁻³ mg/m³; NO₂: 1,77.10⁻³ – 0,04 mg/m³; CO: 0,249 – 4,62 mg/m³; VOCs: 0,04 – 0,77 mg/m³.

+) Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy

Tuỳ thuộc vào loại hình nhà máy khác nhau thành phần bụi và khí thải rất khác nhau, phụ thuộc vào từng công nghệ sản xuất như:

Căn cứ bảng các ngành nghề dự kiến thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Hải Yên thì các nhóm ngành nghề chính thuộc cụm dự kiến như sau:

Các ngành nghề thu hút đầu tư KCN Hải Yên tập trung chủ yếu thu hút các dự án theo các ngành nghề sản xuất công nghiệp hỗ trợ ngành: Điện tử, ô tô, cơ khí; thuốc, hóa dược và dược liệu.....

- Nhóm ngành khác:

- + Khí thải, nhiệt, mùi, NH₃, bụi, SO₂, NO_x, CO,....
- + Bụi từ công đoạn phát tán bụi, SO₂, NO_x, CO₂, THC
- + Bụi, SO₂, hơi dung môi hữu cơ,...

Các loại bụi và khí thải phát sinh phụ thuộc vào loại hình sản xuất, công nghệ sản xuất mức tự động hoá của quá trình sản xuất. Chi tiết thành phần tải lượng sẽ được đánh

giá trong báo cáo ĐTM hoặc Báo cáo đề xuất cấp GPMT/ĐKMT riêng của mỗi nhà máy (không thuộc phạm vi của báo cáo này)

+) Bụi và khí thải từ các khu vực khác

1. Mùi từ khu vực lưu trữ rác thải

Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt cũng sẽ phát sinh khí thải do quá trình tự phân huỷ rác thải. Các chất gây ô nhiễm môi trường không khí thường gặp là SO_2 , NO_3 , CO , CO_2 , NH_3 , CH_4 . Các khí thải chủ yếu là H_2S , CH_4 ,...

2. Mùi và sol khí từ các trạm xử lý nước thải

- Thành phần chất ô nhiễm không khí từ hệ thống thu gom, thoát nước thải, xử lý NTSH của dự án rất đa dạng như: Mercaptan, NH_3 , H_2S , CH_4 ,...

c) Chất thải rắn

➤ Chất thải rắn sinh hoạt

- Thành phần chủ yếu trong CTR sinh hoạt gồm:

+ Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa

+ Các hợp chất có nguồn gốc từ giấy như các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống

+ Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh...

+ Kim loại như vỏ hộp,...

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại khu điều hành, dịch vụ, khu xử lý nước thải và công nhân của các doanh nghiệp thứ cấp. Tổng lượng phát sinh khoảng 4 tấn/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp

- CTRTT từ quá trình sản xuất của các nhà máy thứ cấp hoạt động trong KCN

Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, chỉ tiêu phát sinh chất thải rắn trong khuôn viên dự án được tính toán bằng 0,3 tấn/ha.ngày. Ngành nghề hoạt động chủ yếu của KCN Hải Yên theo quy hoạch là tập trung chủ yếu thu hút các dự án theo các ngành nghề sản xuất công nghiệp hỗ trợ ngành: Ô tô, điện tử, công nghệ...

Dựa trên đặc trưng nhóm ngành nghề quy hoạch trong cụm thì chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ các quy trình sản xuất khác nhau của các nhà máy có tính chất đa dạng, phụ thuộc vào đặc điểm và tính chất của từng loại hình sản xuất cụ thể. Tùy theo từng loại hình công nghệ sản xuất mà chất thải rắn có thành phần và khối lượng khác nhau.

➤ **Cặn, bùn từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải**

-
- Cặn bùn thải từ bể tự hoại của KCN
 - Lượng bùn thải bỏ từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ bể thu gom, bể lắng sinh học
 - Lượng bùn dư hàng ngày thải ra từ trạm XLNT

➤ **Bùn từ hoạt động nạo vét đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước KCN**

Trong quá trình vận hành sẽ tiến hành nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải toàn bộ dự án định kỳ khoảng 6 tháng/lần. Mùa khô thì sẽ làm ngay sau khi có các trận mưa giúp nạo vét dễ hơn đồng thời vét được bùn cặn khi bị mưa chảy tràn kéo xuống cống rãnh.

➤ **Thực bì, cành lá cây khi cắt tỉa chăm sóc cây xanh**

Chặt tỉa cành cây phòng mùa mưa bão, trồng cây thay thế sẽ phát sinh một khối lượng cành cây bị chặt bỏ ước tính khoảng 5,4 m³/năm. (Sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa vào mùa mưa bão).

d) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của ban quản lý và hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN khoảng 3826kg/năm. Thành phần chính là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, gang tay dính thành phần nguy hại, dầu mỡ thải, bao bì thải dính các thành phần nguy hại, Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp, thành phần và khối lượng phụ thuộc vào ngành nghề thu hút đầu tư.

f) Tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

- + Hoạt động của các phương tiện giao thông;
- + Hoạt động sản xuất của các nhà máy trong KCN.
- + Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (6h - 21h); QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

g) Các tác động khác

- Tác động đến hạ tầng khu vực do hoạt động vận tải của các phương tiện, thiết bị giao thông ra vào dự án.

- Hoạt động máy móc vận hành, vận hành trạm XLNT của KCN và các doanh nghiệp thứ cấp.

- Tác động tiêu cực đến kinh tế xã hội do tập trung lượng lớn dân cư có khả năng gây mất trật tự an ninh khu vực.

- Bên cạnh đó còn có các tác động từ yếu tố thiên tai, sự cố môi trường,...

2.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án.

2.4.1 Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Bụi và khí thải thi công

- Sử dụng tấm lưới hoặc tấm chắn bằng vật liệu mềm bao phủ bên ngoài công trình trong giai đoạn thi công.

- Sử dụng các phương tiện thi công đã qua kiểm định.

- Phun nước làm ẩm 2 lần/ngày bề mặt khu vực phát sinh bụi lớn .

- Thi công theo hình thức cuốn chiếu, xây xong đến đâu tiến hành thu dọn hiện trường ngay đến đó.

b) Nước thải

- Thuê nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân.

c) Nước mưa chảy tràn

- Tiến hành tạo các rãnh thu nước với các hố lắng xung quanh khu đất cần đổ đất san nền để đảm bảo nước thải được lắng đọng trước khi thoát ra các mương thoát nước trong khu vực. Hố lắng đất cát sẽ được nạo vét định kỳ 1 tuần/2 lần vào mùa mưa và 1 tuần/lần vào mùa khô.

Các bãi chứa vật liệu, đất thải tạm thời được bố trí xa dòng chảy; đắp bờ đất cao tối thiểu 30 cm tại các vị trí bãi thải tạm, bãi tập kết vật liệu để ngăn chặn nước mưa chảy tràn cuốn trôi bùn, đất đá xuống các thủy vực.

Tuyến thoát nước mưa: Nước mưa → Rãnh thoát nước → lắng cặn → thoát ra ngoài.

d) Chất thải rắn

- Bố trí 2 thùng chứa rác sinh hoạt loại 240 lít tại vị trí phát sinh.

- Bố trí 01 thùng ben loại 5m³ để lưu chứa chất thải xây dựng trong khi chờ xe vận chuyển chưa đến kịp.

- Dự án sẽ ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trong suốt quá trình thi công của dự án.

e) Chất thải nguy hại

Bố trí các thùng nhựa 200 lít có nắp đậy để chứa chất thải nguy hại, dán nhãn ghi

rõ chất thải chứa bên trong thùng đặt tại khu vực lưu chứa CTNH của dự án. Dự kiến khu lưu chứa CTNH của dự án loại Container

- Dự án sẽ ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo Quy định.

f) Tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

g) Các công trình, biện pháp khác

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng; phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Bố trí mương thoát nước mưa và các hố ga tạm thời tại khu vực thi công trước khi tiến hành thi công xây dựng; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các kênh, mương thoát nước khu vực thi công, đảm bảo không gây ngập úng tại khu vực Dự án.

- Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động;

- Tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

2.4.2 Giai đoạn vận hành:

a) Bụi và khí thải

➤ Đối với Chủ dự án

Thường xuyên tưới nước làm ẩm tại các tuyến đường xung quanh Khu công nghiệp. Tần suất tưới nước khoảng 01 lần/ngày; Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả thải ra môi trường qua ống thải.

- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các Cơ sở hoạt động trong Khu công nghiệp thực hiện trách nhiệm quản lý khí thải theo quy định.

- Kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn của các nhà máy thành viên trong KCN theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

➤ **Đối với Doanh nghiệp thứ cấp**

- Đối với mỗi doanh nghiệp khi đầu tư vào KCN sẽ phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường và lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải thích hợp. Đồng thời, cam kết đảm bảo chất lượng không khí theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật và hạn chế ô nhiễm tại các nhà máy sản xuất như tính toán chiều cao ống khói phải phù hợp, điều chỉnh quy trình công nghệ và nhiên liệu, lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải cục bộ tại các nhà máy như: lắng, lọc, hấp thụ, hấp phụ, phân hủy sinh hóa.

b) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ các công trình quản lý – điều hành của chủ dự án sẽ được thu gom và tiền xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp và đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải phát sinh từ các nhà máy thành viên trong Khu Công nghiệp bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất;

- Nước thải phát sinh tại các nhà máy thành viên trong KCN phải được xử lý sơ bộ, đảm bảo giới hạn tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN và đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 03:2020/QN cột B ($K_q=0,9$; $K_f=0,9$; $K_{qn}=0,95$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;

- Nước thải từ các nhà máy thứ cấp được kết nối với hệ thống đường cống thu gom nước thải tập trung và độc lập của Khu Công nghiệp thông qua các hố ga đã định sẵn trong quá trình thiết kế và nằm ngoài tường rào của các nhà máy thành viên nhằm thuận tiện trong công tác giám sát về chất lượng nước thải và lưu lượng xả thải;

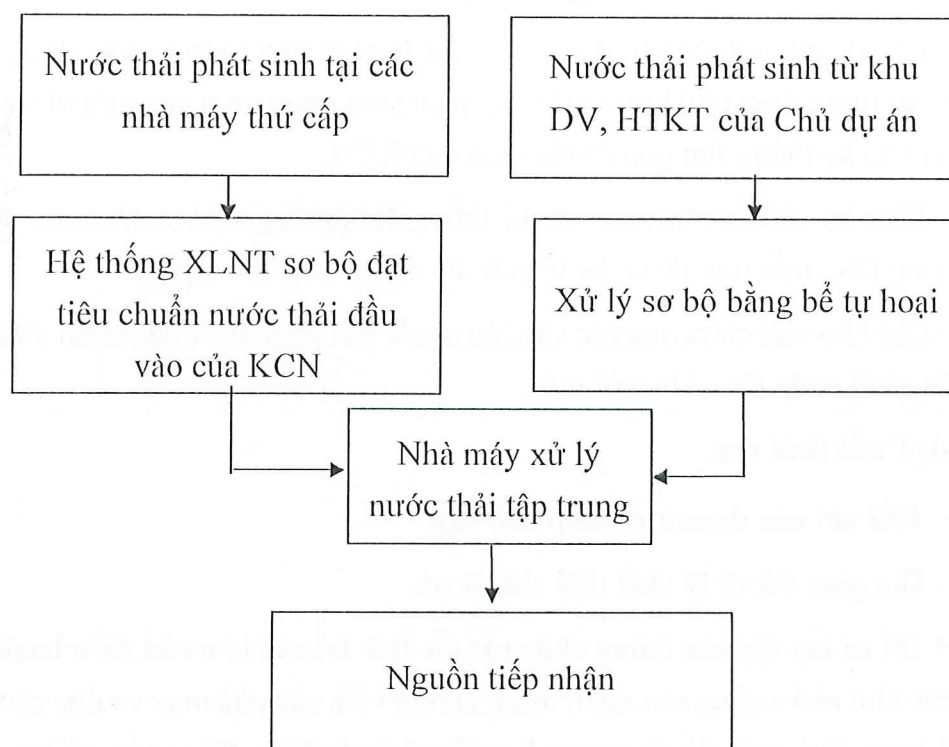
- Tất cả các nhà máy thứ cấp trong Khu Công nghiệp đều sử dụng dịch vụ xử lý nước thải của Khu Công nghiệp. Nghiêm cấm xả nước thải sau khi xử lý của các nhà máy thứ cấp vào hệ thống thoát nước mưa của Khu Công nghiệp;

- Các nhà máy thứ cấp này sẽ phải trả phí sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tập trung

của Khu Công nghiệp và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ KCN sẽ được xử lý tại Nhà máy XLNT tập trung của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn QCDP 03:2020/QN cột B ($K_q=0,9$; $K_f=0,9$; $K_{qn}=0,95$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Dưới đây là sơ đồ thu gom xử lý của hệ thống thoát nước của KCN:

Sơ đồ thu gom và xử lý của hệ thống thoát nước thải



+ Căn cứ lưu lượng nước thải phát sinh cần xử lý, chủ đầu tư sẽ đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung của dự án với tổng công suất dự kiến khoảng 5.500 m³/ngày.

+ Công nghệ xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung của dự án được lựa chọn là công nghệ xử lý hóa lý kết hợp xử lý sinh học. Đây là công nghệ đã được kiểm chứng thực tế và cho thấy được hoạt động hiệu quả. Chất lượng nước thải đầu ra đảm bảo đạt Quy chuẩn QCDP 03:2020/QN cột B ($K_q=0,9$; $K_f=0,9$; $K_{qn}=0,95$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

➤ Xử lý nước thải công nghiệp tại nguồn (tại các cơ sở nhà máy, xí nghiệp):

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN phải được xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn của KCN trước khi đầu nối vào thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

c) Nước mưa chảy tràn

➤ Đối với chủ dự án

- Tính toán và xây dựng hệ thống thu gom nước mưa đảm bảo tiêu thoát nước mưa cho toàn bộ doanh nghiệp trong KCN.

- Định kỳ sẽ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống thoát nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

➤ Đối với các doanh nghiệp trong KCN

- Các doanh nghiệp khi đầu tư vào KCN phải tính toán và xây dựng hệ thống thu gom thoát nước mưa phù hợp với lượng phát sinh nước mưa của mỗi nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN.

- Định kỳ sẽ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống thoát nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

- Các khu vực chứa nguyên vật liệu ngoài trời phải được che chắn tốt để giảm thiểu bụi bẩn sẽ bị cuốn theo khi trời mưa.

d) Chất thải rắn

➤ Đối với các doanh nghiệp thứ cấp

- Thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt:

+ Bố trí lắp đặt các thùng chứa rác cố định tại các khu nhà điều hành, nhà thường trực, các khu nhà xưởng sản xuất, trong khuôn viên các nhà máy và dọc các tuyến đường nội bộ trong nhà máy để phục vụ cho việc phân loại rác tại nguồn và lưu chứa rác tạm thời trong ngày trước khi được đưa đi xử lý.

+ Các cơ sở hoạt động trong Khu công nghiệp tự thu gom, phân loại và ký hợp đồng với đơn vị thu gom có đủ chức năng theo đúng quy định.

- Chất thải công nghiệp thông thường: Chủ các Cơ sở tự chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

➤ Đối với Chủ dự án – quản lý hạ tầng KCN

+ Tại khu văn phòng, trung tâm quản lý điều hành của Khu công nghiệp: Bố trí các thùng chứa chất thải dung tích khoảng 100 lít để chứa chất thải sinh hoạt phát sinh tại Khu công nghiệp.

+ Tại các khu công cộng, dịch vụ: Bố trí các thùng rác có nắp đậy dung tích khoảng 100 lít; Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

c) Chất thải nguy hại

➤ Đối với Chủ dự án – quản lý hạ tầng KCN

- Đối với CTNH phát sinh từ khu vực nhà điều hành, quản lý hạ tầng KCN, bố trí các thùng đựng các loại chất thải nguy hại loại có dung tích khoảng 100 lít có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo nguy hại để đựng từng loại CTNH phát sinh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5.500 m³/ngày đêm:

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý CTNH và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung định kỳ theo đúng quy định.

➤ Đối với các doanh nghiệp thứ cấp

- Đối với các nhà máy phát sinh CTNH thì cần phải được quản lý theo quy định về quản lý CTNH theo quy định.

- Chủ dự án của doanh nghiệp thứ cấp sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý định kỳ đúng quy định.

f) Tiếng ồn, độ rung

- Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm và đệm giảm chấn để chống rung; kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng cơ sở, dự án.

g) Các công trình, biện pháp khác

Trên các tuyến đường vận chuyển chính phục vụ dự án các chủ phương tiện tuân thủ các quy định về an toàn giao thông (tốc độ, che chắn thùng xe...).

- Giảm mật độ các phương tiện thi công vào các giờ cao điểm trong ngày để tránh ùn tắc giao thông và tai nạn xảy ra như: Buổi sáng từ 6 - 8h, buổi trưa từ 11 - 12h, buổi chiều từ 16 - 18h;

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết, xây dựng nội quy làm việc trên công trường, hệ thống biển báo theo quy định.

- Thực hiện chế độ quản lý vật tư, thiết bị đúng quy định, xây dựng và ban hành nội quy về PCCC, trang bị các phương tiện chữa cháy tuân thủ theo quy định.

- Ngoài việc điều chỉnh tiến độ thi công hợp lý có cân nhắc đến yếu tố thời tiết, Dự án sẽ ưu tiên tiến hành thi công hệ thống thoát nước mưa trước nhằm đảm bảo khả năng thoát nước tối đa, tránh xảy ra tình trạng ngập úng do thời tiết.

2.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

2.5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

2.5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí các điểm quan trắc dự kiến 03 vị trí:
 - KK1. Mẫu không khí tại trung tâm ô đất dự án;
 - KK2. Mẫu không khí tại vị trí tập kết nguyên vật liệu thi công;
 - KK3. Mẫu không khí tại cổng công trường thi công.
- Tần suất quan trắc dự kiến: 06 tháng/01 lần.
- Các thông số quan trắc dự kiến: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, SO₂, CO, NO₂, tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2.5.1.2. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát dự kiến: Khu lưu giữ chất thải tập trung, khu lưu giữ chất thải nguy hại trên công trường.
- Các chỉ tiêu giám sát: Khối lượng, chủng loại, chứng từ giao nhận.
- Quy chuẩn so sánh: Nghị định số 05/2025/ND-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025;

2.5.1.3. Quan trắc giám sát môi trường khác

- Giám sát khả năng ngập úng, tiêu thoát nước tại khu vực thi công xây dựng dự án và các khu vực xung quanh chịu tác động bởi dự án.
- Giám sát hoạt động đào đắp, giám sát việc sử dụng tầng đất mặt theo quy định.
- Kiểm tra việc trồng cây xanh.
- Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.
- Giám sát cháy nổ tại khu vực có khả năng gây cháy nổ: Khu vực tập kết nguyên liệu, nhựa, gỗ phục vụ cho hoạt động thi công xây dựng.

2.5.2 Chương trình quan trắc và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại

2.5.2.1. Giám sát nước thải:

*** Giám sát nước thải định kỳ**

** Đối với nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung:*

- Số lượng mẫu: 01 mẫu đầu vào.

-
- Vị trí giám sát: Tại hố gom nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung.
 - Tần suất giám sát: 3 tháng/lần đối với nước thải
 - Thông số giám sát: Nhiệt độ; pH; Màu; BOD₅ (20°C); COD; Chất rắn lơ lửng; Asen; Thủy ngân; Chì; Cadimi; Mangan; Sắt; Tổng dầu mỡ khoáng; Amoni (tính theo N); Coliform
 - Quy chuẩn so sánh: QCDP 03:2020/QN cột B – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh

** Đối với nước thải đầu ra sau khi xử lý tại trạm XLNT tập trung:*

- Số lượng mẫu: 01 mẫu đầu ra.
- Vị trí giám sát: Tại đường ống xả nước thải sau xử lý ra suối Khe Rè
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ; pH; Màu; BOD₅ (20°C); COD; Chất rắn lơ lửng; Asen; Thủy ngân; Chì; Cadimi; Mangan; Sắt; Tổng dầu mỡ khoáng; Amoni (tính theo N); Coliform
- Quy chuẩn so sánh: QCDP 03:2020/QN cột B ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{QN} = 0,95$) – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

**** Giám sát nước thải tự động***

Quan trắc giám sát tự động được lắp đặt nhằm đáp ứng các chỉ tiêu kiểm soát bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS và Amoni

Hệ thống giám sát nước thải tự động sau xử lý được kết nối hệ thống giám sát môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường

Quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng: QCDP 03:2020/QN cột B ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{QN} = 0,95$) – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh

Ghi chú:

- Hệ thống giám sát nước thải tự động sẽ tuân thủ quy định tại Điều 48, Điều 97 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Đầu nối: Hệ thống quan trắc nước thải tự động đảm bảo kết nối truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ninh theo quy định của pháp luật.

2.5.2.2. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh của Dự án.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 06/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ Môi trường.

➤ *Giám sát môi trường khác*

- Giám sát tiếng ồn, độ rung: Các đơn vị thứ cấp tự thực hiện giám sát tiếng ồn, độ rung theo quy định đảm bảo tiếng ồn không vượt quá quy chuẩn cho phép.
- Giám sát vận hành hệ thống thu và thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải.
- Giám sát nhà máy, xí nghiệp trong KCN.
- Giám sát quá trình thực hiện công tác giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy trong KCN trên cơ sở Báo cáo ĐTM hay GPMT đã được cơ quan chức năng phê duyệt.
- Giám sát an toàn lao động tại các cơ sở.
- Giám sát vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp.
- Giám sát, kiểm tra sức khỏe của cán bộ khu điều hành KCN 01 năm/lần.

III. CAM KẾT THỰC HIỆN

Chủ đầu tư cam kết thực hiện hoàn thành các công trình BVMT đúng tiến độ. Chủ đầu tư cam kết xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố trước khi dự án đi vào hoạt động.

Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo và thực hiện các cam kết với cộng đồng địa phương, tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của Dự án.

Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong các giai đoạn của Dự án: Chủ Đầu tư cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu đã được đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết các hoạt động của Dự án đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường như đã quy định theo TCVN, QCVN. Chủ đầu tư cam kết vận hành các công trình bảo vệ môi trường của dự án, cam kết tuân thủ và xử lý chất thải đảm bảo đạt giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường đã ban hành.

Chủ đầu tư cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra sự cố về môi trường và chịu trách nhiệm khắc phục ô nhiễm và bồi thường thiệt hại.

Handwritten signature **CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**



KT/TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Anh

